



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 478/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực dịch vụ tài chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BTC ngày 04 tháng 02 năm 2026 bãi bỏ các Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tổ chức tín dụng và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 16/2020/QĐ-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực dịch vụ tài chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (Chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và chuyên đổi số, Vụ trưởng Vụ Các định chế tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công Dịch vụ công Quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải công khai);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐCTC (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục 1

**DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ BỊ BÃI BỎ TRONG
LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 478/QĐ-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính)

STT	Tên Báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
I	BÁO CÁO GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		
1	Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tình hình tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng hợp tác xã, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.	- Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước. - Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư 84/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). - Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 18/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tài chính vi mô (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Thông tư 84/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). - Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 19/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (đã được sửa	STT 287 theo Quyết định số 2610/QĐ-BTC ¹

¹ Quyết định số 2610/QĐ-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

		đổi, bổ sung tại Điều 6 Thông tư 84/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). - Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 20/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức quỹ tín dụng nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 7 Thông tư 84/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	
2	Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tình hình tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng hợp tác xã, hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.	- Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước. - Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư 84/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). - Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 18/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tài chính vi mô (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Thông tư 84/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính). - Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 19/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Thông tư 84/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của	STT 322 theo Quyết định số 2610/QĐ- BTC

		Bộ trưởng Bộ Tài chính). - Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 20/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức quỹ tín dụng nhân dân (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 7 Thông tư 84/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	
II BẢO CÁO CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GỬI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			
1	Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	Điều 9 Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	STT 297 theo Quyết định số 2610/QĐ-BTC
2	Báo cáo tài chính của Ngân hàng hợp tác xã.	Điều 11 Thông tư số 19/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.	STT 300 theo Quyết định số 2610/QĐ-BTC
3	Báo cáo tài chính của tổ chức tài chính vi mô Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.	Điều 10 Thông tư số 18/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tài chính vi mô.	STT 301 theo Quyết định số 2610/QĐ-BTC
4	Báo cáo kế hoạch tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng hợp tác xã.	- Điều 25, Điều 26 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước. - Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. - Điều 10 Thông tư số 19/2018/TT-BTC ngày 12/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài	STT 314 theo Quyết định số 2610/QĐ-BTC

		chính hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.	
5	Báo cáo về tình hình kinh doanh và chấp hành quy định pháp luật của doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trên địa bàn tỉnh, thành phố.	Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.	STT 288 theo Quyết định số 2610/QĐ- BTC
6	Báo cáo về việc đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, tình hình kinh doanh và chấp hành quy định pháp luật theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.	STT 317 theo Quyết định số 2610/QĐ- BTC
7	Báo cáo về tình hình cấp, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.	Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.	STT 318 theo Quyết định số 2610/QĐ- BTC



Phụ lục 2

**DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ MỜI BAN HÀNH TRONG
LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 478/QĐ-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

STT	Tên Báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
(1)	(2)	(3)
I	BÁO CÁO GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	
1	Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tình hình tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	Khoản 1 Điều 40, Phụ lục V Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.
II	BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GỬI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	
1	Báo cáo kế hoạch tài chính năm đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ.	Khoản 2 Điều 29, Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.

**PHẦN II. CHI TIẾT NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TẠI PHẦN I. DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

1. Tên báo cáo: Báo cáo kế hoạch tài chính năm đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: các tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ;

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hàng năm;

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 29, Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về

chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.

2. Tên báo cáo: Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tình hình tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

2.2. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính;

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: 06 tháng và hàng năm;

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 1 Điều 40, Phụ lục V Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước./.

